

Kbang, ngày 23 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển Giáo dục Mầm non
Giai đoạn 2021-2025”, trên địa bàn huyện Kbang**

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025”;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non (Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Kbang lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Thực hiện Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển Giáo dục Mầm non Giai đoạn 2021-2025”, trên địa bàn huyện Kbang, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Kết quả đạt được (Tính đến năm học 2020-2021)

1.1. Quy mô trường, lớp, trẻ mầm non

Toàn huyện có 17 trường mầm non, mẫu giáo (gọi tắt là mầm non), 01 nhóm lớp độc lập tư thục, với 73 điểm trường. Tổng số 163 nhóm, lớp, trong đó 06 nhóm trẻ, 157 lớp mẫu giáo. Huy động 4.381 trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp, trong đó 298 trẻ nhà trẻ, 4.083 trẻ mẫu giáo, trong đó trẻ nhà trẻ tỉ lệ 9,89%, trẻ mẫu giáo tỉ lệ 96,82%. Riêng trẻ 5 tuổi ra lớp duy trì tỉ lệ 99,60%. Trẻ người dân tộc thiểu số ra lớp đạt tỉ lệ 56,26%. Số trẻ đến lớp ở loại hình tư thục là 137, tỉ lệ đạt 3,27%.

Quy mô giáo dục mầm non (GDMN) được củng cố, ổn định và phát triển tăng dần hàng năm, mạng lưới trường, lớp mầm non được mở rộng đến tận các thôn, làng vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các điểm trường được bố trí bảo đảm cự ly quy định tạo mọi điều kiện để trẻ mầm non trong độ tuổi được ra lớp và trẻ em hòa nhập được chăm sóc đặc biệt.

1.2. Về cơ sở vật chất

Quy hoạch phát triển trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện của từng địa phương, kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa, đón trẻ. Môi trường bảo đảm an toàn, xanh, sạch, đẹp và được cải tạo, xây dựng theo hướng giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Diện tích đất các trường mầm non tất cả các trường mầm non bảo đảm diện tích đất bình quân theo quy định.

Các đơn vị trường học được cải tạo thiết kế theo các góc hoạt động: khu giáo dục phát triển vận động, khu vui chơi, khám phá, trải nghiệm thực hành bảo đảm an toàn và phát triển cho trẻ. Cổng trường, tường bao, hàng rào được xây dựng ngăn cách bên ngoài, có biển tên trường đúng quy định. 100% các trường mầm non đều có hệ thống phòng cháy, chữa cháy và được tập huấn phòng cháy chữa cháy theo quy định; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc được kết nối mạng internet đến 17/17 trường và được trang bị đủ máy tính phục vụ công tác quản lý; việc thu gom rác thải được bố trí hợp lý đúng vị trí và xử lý hàng ngày bảo đảm vệ sinh môi trường trong các cơ sở GDMN.

Các điều kiện cơ sở vật chất hiện có để thực hiện giảng dạy:

+ Cơ sở hạ tầng:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
-	Phòng học (có phòng ngủ DT:82.5m2)	Phòng	192
-	Khối hành chính quản trị	Phòng	47
-	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc trẻ	Phòng	18
-	Phòng sinh hoạt chung	Phòng	6
-	Khối phòng phụ vụ học tập	Phòng	12
-	Khối phòng tổ chức ăn bán trú	Phòng	15
-	Khối phụ trợ	Phòng	16

Thiết bị dạy học:

		ĐVT	Số lượng
1	Thiết bị dạy học tối thiểu		
-	Thiết bị dạy học tối thiểu 3-4 tuổi	Bộ	70
-	Thiết bị dạy học tối thiểu 4 – 5 tuổi	Bộ	51
-	Thiết bị dạy học tối thiểu 5- 6 tuổi	Bộ	24
2	Đồ chơi ngoài trời	Bộ	51

1.3. Về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Năm học 2020-2021 toàn cấp học mầm non có tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) là 341, trong đó 28 cán bộ quản lý cấp trường; 249 giáo viên (biên chế 192) và 64 nhân viên (biên chế 10). Định mức giáo viên/lớp là 1,52 (tính cả giáo viên hợp đồng). Trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên của cán bộ quản lý và giáo viên mầm non là 238 người; đạt tỷ lệ 85,92%, số giáo viên chưa đạt chuẩn là 39, tỉ lệ chiếm 14,08%. Đội ngũ cán CBQL, GV, NV ổn định tư tưởng, vững vàng về bản lĩnh chính trị, luôn phấn đấu rèn luyện, học tập, cầu tiến, xác định được vị trí việc làm và trách nhiệm trong công việc, luôn nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

1.4. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

Toàn huyện huy động 4.381 trẻ mầm non học hai buổi/ngày, đạt tỉ lệ 100%, tổ chức cho 3.048 trẻ ăn trưa tại trường tỉ lệ 69,57%, số lượng trẻ đến trường hai buổi/ngày và ăn trưa tại trường tăng hằng năm, chất lượng dinh dưỡng cho trẻ được cải thiện, 100% trẻ được theo dõi tiêm chủng mở rộng, khám sức khỏe định kỳ và cân đo sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng, số trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 275, tỉ lệ 6,28%, số trẻ thấp còi 316, tỉ lệ 7,22%, trẻ béo phì 23, tỉ lệ 0,52%, hàng năm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng đều hạ thấp và không chế được tỉ lệ trẻ béo phì. Tỉ lệ chuyên cần luôn duy trì đạt 98%. 100% trẻ 5 tuổi được đánh giá phát triển theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

2. Một số khó khăn, hạn chế

Tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp thấp, chỉ đạt 9,89%, trình độ dân trí không đồng đều, cha mẹ chưa quan tâm đến bậc học mầm non.

Toàn huyện hiện có 76 điểm trường lẻ, nhiều điểm trường cách xa trung tâm.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu, đồ chơi tại cơ sở GDMN chưa đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, các khu vệ sinh cho trẻ ở các điểm lẻ còn tạm bợ, thiếu thốn. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các điểm trường lẻ xây dựng lâu năm đã xuống cấp, diện tích hẹp, phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật còn thiếu.

Đội ngũ CBQL, GV, NV chưa đủ định mức theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV; hiện tại còn thiếu 96 giáo viên.

Công tác xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, khó khăn trong các tiêu chí quy định về cơ sở vật chất (theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT); đội ngũ CBQL, GV, NV (theo Luật số 43/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019).

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu chung

Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ đối với giáo dục của huyện theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”. Xây dựng hệ thống GDMN phát triển cân đối về cơ cấu và quy mô, đa dạng về loại hình trường, lớp.

Tập trung quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống trường lớp một cách hợp lý; đảm bảo tốt các điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở cấp học mầm non theo hướng tiếp cận với mô hình tiên tiến, góp phần phát triển GDMN của huyện theo hướng đồng bộ, toàn diện; phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào học lớp một Chương trình Phổ thông mới; phát triển trường mầm non đạt chuẩn quốc gia bảo đảm theo kế hoạch mục tiêu Đề án.

Xây dựng và phát triển đội ngũ CBQL, GV, NV làm việc trong các cơ sở GDMN bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Mục tiêu cụ thể: Chia thành hai giai đoạn

2.1. Giai đoạn I (từ năm 2021 đến năm 2022), phấn đấu đạt các chỉ tiêu:

Về quy mô, mạng lưới trường lớp:

Nội dung	Chỉ tiêu Đề án	Tỉ lệ đã đạt	Phấn đấu đạt đến năm 2022
Huy động trẻ nhà trẻ ra lớp	30%	9,89%	12,7%
Huy động trẻ mẫu giáo ra lớp	92%	96,82%	97,7%
Huy động trẻ em trong các cơ sở GDMN ngoài công lập	25%	3,23%	3,3%

Về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

Nội dung	Chỉ tiêu Đề án	Tỉ lệ đã đạt	Phấn đấu đạt đến năm 2022
Tỉ lệ nhóm/lớp học hai buổi/ngày	98,5%	100%	100%
Tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm % /năm	0,3%	0,25%	0,3%
Tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm % /năm	0,2%	0,1%	0,2%
Tỉ lệ trẻ em thừa cân béo phì	Được không chế	Được không chế	Được không chế

Về đội ngũ giáo viên:

Nội dung	Chỉ tiêu Đề án	Tỉ lệ đã đạt	Phấn đấu đạt đến năm 2022
----------	----------------	--------------	---------------------------

Phân đầu đủ số lượng giáo viên	Đủ giáo viên theo quy định	1,52 GV/lớp	1,65 GV/lớp
Tỉ lệ giáo viên có trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên	70%	85,92%	88%
Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên.	80%	68%	70%

Về cơ sở vật chất, trường lớp:

Nội dung	Chỉ tiêu Đề án	Tỉ lệ đã đạt	Phần đầu đạt đến năm 2022
Tỉ lệ phòng học kiên cố đạt	70%	40,85%	41%
Tỉ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	42%	89% (vượt chỉ tiêu)	100% (vượt chỉ tiêu)
Tỉ lệ trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục	45%	53% (vượt chỉ tiêu)	65% (vượt chỉ tiêu)

Về phổ cập GDMN: Phần đầu 100% xã, phường, thị trấn củng cố, duy trì nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi hàng năm.

2.2. Giai đoạn II (từ năm 2023 đến năm 2025), phần đầu đạt các chỉ tiêu:

Về quy mô, mạng lưới trường lớp:

Nội dung	Chỉ tiêu Đề án	Phần đầu đạt
Huy động trẻ nhà trẻ ra lớp	35%	15,1%
Huy động trẻ mẫu giáo ra lớp	95%	98,9%
Huy động trẻ em trong các cơ sở GDMN ngoài công lập	30%	4%

Về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

Nội dung	Chỉ tiêu Đề án	Phần đầu đạt
Tỉ lệ trẻ học hai buổi/ngày	99,5%	100%
Tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm/năm	0,3%	0,3%
Tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm/năm	0,2%	0,2%
Tỉ lệ trẻ em thừa cân béo phì	Được khống chế	Khống chế

Về đội ngũ giáo viên:

Nội dung	Chỉ tiêu Đề án	Phấn đấu đạt
Phấn đấu đủ số lượng giáo viên	Đủ giáo viên theo quy định	Đủ giáo viên
Tỉ lệ giáo viên có trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên	90%	95%
Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên.	85%	85%

Về cơ sở vật chất, trường lớp:

Nội dung	Chỉ tiêu Đề án	Phấn đấu đạt
Tỉ lệ phòng học kiên cố	80%	45%
Tỉ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	50%	100 %
Tỉ lệ trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục	60%	100%

Về phổ cập GDMN: Bảo đảm củng cố, duy trì nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

(Phụ lục 1,2,3,4 đính kèm)

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn I (từ năm 2021 đến năm 2022): Củng cố, từng bước mở rộng mạng lưới cơ sở GDMN; giải quyết vấn đề thiếu giáo viên của các cơ sở GDMN công lập phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương; bảo đảm cơ bản đủ số lượng giáo viên, cơ sở vật chất tối thiểu đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ; tiếp tục thực hiện chính sách đối với giáo viên và trẻ mầm non.

2. Giai đoạn II (từ năm 2023 đến năm 2025): Hoàn thiện mạng lưới cơ sở GDMN; bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; triển khai thực hiện chương trình GDMN có hiệu quả; đảm bảo công bằng trong giáo dục.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thực hiện cơ chế, chính sách phát triển GDMN

Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về phát triển GDMN trên từng xã trên địa bàn huyện theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh, các sở ngành.

Tham gia góp ý xây dựng hệ thống văn bản quy định về hoạt động và quản lý chất lượng GDMN.

Thực hiện cơ chế chính sách của Nhà nước để tuyên truyền phát triển loại hình trường, lớp mầm non ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa.

Rà soát, đánh giá chế độ làm việc của giáo viên mầm non tại các cơ sở, tham mưu định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập.

2. Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển GDMN

- Ưu tiên ngân sách chỉ cho các hoạt động của GDMN trong phạm vi ngân sách được giao theo phân cấp.

Huy động nguồn lực, lồng ghép kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo bền vững, các chương trình dự án, đề án khác và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho GDMN nhằm đảm bảo các điều kiện thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp GDMN.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp xã hội hóa giáo dục, tạo mọi điều kiện thu hút nguồn lực xã hội để khuyến khích phát triển GDMN ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

3. Đổi mới công tác quản lý GDMN

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc phát triển GDMN; đưa mục tiêu phát triển GDMN vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện và chương trình hành động của các tổ chức chính trị - xã hội.

Đổi mới công tác quản lý; nâng cao năng lực tự chủ, trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDMN.

Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý GDMN và trong chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về GDMN

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cộng đồng, gia đình về vai trò, vị trí của GDMN trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong phát triển nguồn lực.

- Xây dựng kế hoạch thông tin và truyền thông; xây dựng chuyên trang, chuyên mục về GDMN trên các phương tiện truyền thanh, truyền hình, Website ngành Giáo dục...

Tuyên truyền rộng rãi gương người tốt, việc tốt trong các cơ sở GDMN, nhân rộng điển hình tiên tiến.

5. Đổi mới nội dung, chương trình GDMN

Thực hiện các giải pháp để đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình GDMN; phát triển các điều kiện và hoạt động của trường mầm non theo các tiêu chí của trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm.

- Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường; đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDMN; vận dụng linh hoạt các phương pháp GDMN tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới phù hợp với điều kiện thực tiễn các địa bàn trong tỉnh để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; rà soát, đánh giá về chương trình GDMN; từng bước chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện chương trình GDMN sau năm 2020 đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

Triển khai tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; hỗ trợ thực hiện chương trình GDMN ở vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở GDMN ngoài công lập.

Triển khai hiệu quả việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ và tin học ở những nơi có điều kiện.

Triển khai sử dụng bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ chậm phát triển và trẻ em khuyết tật; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật.

6. Nâng cao chất lượng chăm sóc, sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ mầm non

Hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non thông qua chế độ chăm sóc dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với giáo dục phát triển vận động.

Lựa chọn, nhân rộng các mô hình phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

Huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ của Nhà nước để nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú cho trẻ.

Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức và kỹ năng cơ bản về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha mẹ trẻ và cộng đồng trên các địa bàn.

7. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho GDMN

Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp mầm non theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm mỗi xã đều có quy hoạch chi tiết và dành quỹ đất xây dựng trường, lớp mầm non phù hợp tình hình thực tế địa phương, đáp ứng nhu cầu huy động trẻ mầm non ra lớp theo chỉ tiêu Huyện đề ra.

Ưu tiên đầu tư kinh phí xây dựng các cơ sở GDMN công lập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bảo đảm yêu cầu kiên cố hóa trường lớp mầm non, đủ 01 phòng/nhóm, lớp; từng bước xóa phòng học xuống cấp, phòng học tạm, mượn; đầu tư xây dựng mới, bổ sung các hạng mục công trình theo hướng đạt chuẩn về cơ sở vật chất.

Bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các nhóm, lớp theo lộ trình hàng năm trong giai đoạn thực hiện Kế hoạch.

8. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý GDMN

Tổ chức rà soát, đánh giá tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ sở GDMN để sắp xếp, bố trí đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

Đổi mới hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN.

9. Đẩy mạnh xã hội hóa GDMN

Huy động các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước tham gia phát triển GDMN.

Thực hiện nghiêm túc các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục, tham mưu các cấp thẩm quyền tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở GDMN phục vụ nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ trên địa bàn huyện.

Khuyến khích thực hiện cơ chế đầu tư theo hình thức đối tác công tư để phát triển cơ sở vật chất cho GDMN; tạo điều kiện thuận lợi chuyển đổi mục đích sử dụng đất; khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập các cơ sở GDMN ngoài công lập.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch:

Tổng kinh phí đầu tư giai đoạn 2021-2025 là: 13.215 triệu đồng

Chia ra:

-Vốn ngân sách huyện: 2.048 triệu

-Ngân sách đề nghị hỗ trợ và huy động các nguồn khác: 8.167 triệu

1.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng: 5.466 triệu

TT	Nguồn ngân sách	Tổng số	Năm đầu tư				
			2021	2022	2023	2024	2025
	Tổng cộng	5.466,0	1.000,0	0,0	2.030,0	1.624,0	812,0
1	Ngân sách huyện	1.000	1.000				
2	Ngân sách đề nghị hỗ trợ và huy động các nguồn khác	4.466	0		2.030	1.624	812

1.2. Đầu tư mua sắm trang thiết bị: 7.749 triệu

TT	Nguồn ngân sách	Tổng số	Năm đầu tư				
			2021	2022	2023	2024	2025
	Tổng cộng nhu cầu	7.749	1.303	1.627	1.627,0	1.758,0	1.434,0
1	Ngân sách huyện	1.048		262	262	262	262
2	Ngân sách đề nghị hỗ trợ và huy động các nguồn khác	6.701	1.303	1.365	1.365	1.496	1.172

2. Việc lập kế hoạch tài chính để triển khai thực hiện Kế hoạch

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn huyện; kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021-2025 bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình và đáp ứng mục tiêu Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2021-2025.

Tích cực tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) huyện thực hiện những nội dung, chỉ tiêu của Kế hoạch.

Phối hợp các phòng, ban liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Khuyến học, Đoàn Thanh niên của huyện và UBND xã đảm bảo nguồn lực xây dựng nhân lực, cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với giáo viên mầm non và trẻ em theo quy định hiện hành.

Quy hoạch chi tiết mạng lưới trường, lớp mầm non, tham mưu các cấp thẩm quyền ưu tiên dành quỹ đất xây dựng cơ sở GDMN theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo từng bước đầu tư chuẩn về cơ sở vật chất; rà soát sắp xếp các điểm trường lẻ theo hướng thu gọn đầu mối và bảo đảm tuân thủ các quy định về cự ly đến trường của trẻ.

Rà soát, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Kế hoạch, đề ra các giải pháp khắc phục tình trạng thiếu giáo viên trong từng cơ sở, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định hiện hành.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo từng năm, từng giai đoạn, định kỳ báo cáo Sở GDĐT và UBND cấp huyện. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; tham mưu, đề xuất UBND huyện, thị xã, thành phố các giải pháp hiệu quả nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

Chỉ đạo các cơ sở GDMN trên địa bàn nghiên cứu các mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2021-2025” cấp huyện để tập trung xây dựng Kế hoạch cấp cơ sở và triển khai thực hiện đúng lộ trình, đạt hiệu quả.

2. Phòng Kinh tế hạ tầng

Tham mưu UBND huyện cập nhật, bổ sung quy hoạch các cơ sở giáo dục mầm non vào các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết theo định hướng của kế hoạch này.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Phối hợp phòng Giáo dục – Đào tạo trong việc cân đối ngân sách huyện, các chương trình, dự án...trên cơ sở kế hoạch được duyệt tham mưu UBND huyện phân bổ kinh phí để thực hiện.

4. Phòng Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong việc thiếu giáo viên của các cơ sở GDMN công lập trên địa bàn tỉnh.

Rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách đối với giáo viên và cán bộ quản lý GDMN trên địa bàn.

5. Trung tâm Y tế

Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình tiêm chủng, phòng bệnh cho trẻ em mầm non trên địa bàn.

Phối hợp với Phòng GDĐT xây dựng và hoàn thiện các chương trình dịch vụ y tế; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ mầm non.

6. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao

Thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp phát triển GDMN giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

7. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp Phòng GDĐT giám sát việc thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chính sách xã hội khác đối với giáo viên và trẻ mầm non.

Chủ trì, phối hợp với Phòng GDĐT và các đơn vị liên quan xây dựng các chương trình, kế hoạch lồng ghép triển khai thực hiện mục tiêu phát triển GDMN.

8. Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các hội đoàn thể xã, thị trấn, cán bộ thôn, làng:

Có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị trường trong việc huy động trẻ ra lớp ở các trường thuộc trên địa bàn để đảm bảo việc thực hiện chỉ tiêu huy động trẻ đến trường; thường xuyên phối hợp với nhà trường để tăng cường tỷ lệ trẻ ra lớp.

Phân công cụ thể cho các đoàn thể và nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đoàn viên tham gia công tác huy động trẻ đến trường.

Quản lý tốt về nhân khẩu, khai sinh, đăng ký tạm trú, tạm vắng đối với trẻ trong độ tuổi đi học. Gắn việc thực hiện các chính sách đối với hộ nghèo ở địa phương với nghĩa vụ học tập đối với con em trong gia đình. Xây dựng "Gia đình, dòng họ, cộng đồng học tập" để tạo điều kiện, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

Tranh thủ các nguồn lực xã hội cùng với nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ các cháu có hoàn cảnh khó khăn để được tiếp tục đến trường; khen thưởng, động viên những tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác duy trì sĩ số và huy động học sinh ra lớp tại địa phương.

Đảng ủy các xã, thị trấn chỉ đạo các chi bộ thôn làng, tổ dân phố thường xuyên đưa nội dung này vào sinh hoạt chi bộ hằng tháng, căn cứ vào tỷ lệ trẻ ra lớp để xem xét, xếp loại chi bộ hằng năm; không xếp loại chi bộ trong sạch vững mạnh; không xem xét, đánh giá xếp loại bí thư chi bộ là hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường học ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nếu có tỷ lệ học sinh bỏ học cao hơn các chỉ tiêu trong kế hoạch này.

9. Các cơ sở GDMN

Căn cứ Kế hoạch phát triển GDMN giai đoạn 2021-2025 của huyện, của phòng GD&ĐT, kịp thời xây dựng kế hoạch của cấp trường, cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp để tập trung triển khai, thực hiện bảo đảm đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra.

Đẩy mạnh công tác truyền thông về chính sách phát triển GDMN, bằng nhiều hình thức tuyên truyền đến các cấp các ngành, cộng đồng xã hội về các Nghị định, quyết định của Chính phủ, các mục tiêu nhiệm vụ Kế hoạch Phát triển GDMN của huyện.

Xây dựng Kế hoạch tham mưu đề xuất chuyển đổi trường mẫu giáo (đối với trường mẫu giáo) thành trường mầm non để thu hút trẻ nhà trẻ ra lớp và tăng cường phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập tăng tỉ lệ huy động trẻ ra lớp theo chỉ tiêu từng giai đoạn của Kế hoạch.

Tăng cường tham mưu huy động các nguồn lực hợp pháp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện hoạt động GDMN và từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, hoàn thành mục tiêu xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo Kế hoạch đề ra.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với giáo viên ở các cơ sở GDMN theo đúng quy định của Nhà nước.

Thực thi đầy đủ và có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa GDMN, tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc những vấn đề liên quan đến nội dung, chỉ tiêu Kế hoạch Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2021-2025 của các cấp đề ra.

Theo dõi, giám sát thực hiện tiến độ Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hằng năm và báo cáo về phòng GD&ĐT huyện để tổng hợp báo cáo Sở GD&ĐT và UBND huyện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển GDMN huyện Kbang, giai đoạn 2021-2025. Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này./. *LM*

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện và các đoàn thể;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, MTQ xã, thị trấn;
- Các đơn vị trường Mẫu non, Mẫu giáo;
- Lưu: VT, VP, VX. *u*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Văn Dũng

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHỈ TIÊU HUY ĐỘNG TRẺ MÀM NON RA LỚP GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Kế hoạch số: 36 /KH-UBND ngày 23 / 3 /2022 của UBND huyện Kbang)

STT		Chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp đạt được năm 2020										Chỉ tiêu huy động trẻ ra lớp các năm giai đoạn 2021-2025													
		Nhà trẻ			Mẫu giáo			Trẻ học ngoài công lập				Tỉ lệ huy động năm 2021 (%)			Tỉ lệ huy động năm 2022 (%)			Tỉ lệ huy động năm 2023 (%)			Tỉ lệ huy động năm 2024 (%)			Tỉ lệ huy động năm 2025 (%)	
												Dân số 0-2 tuổi	Trẻ NT ra lớp	Tỉ lệ %	Dân số 3-5 tuổi	Trẻ MG ra lớp	Tỉ lệ %	Tổng trẻ MN đến trường	Trẻ học ngoài công lập	Tỉ lệ %	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Ngoài công lập	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Thị trấn	504	149	29,6	976	1.016	104,1	1.028	137	13,33	29,7	105,1	13	31,4	103,8	13,5	34,6	102,6	14,6	34,7	102,0	15,0	35,1	101,8	16
2	Xã Đông	186	19	10,2	350	293	83,71	312			11,6	90,1		13,2	94,1		13,9	95,1		14,1	97,0		14,1	98,1	
3	Xã Nghĩa An	254	22	8,66	232	231	99,57	253			9,0	99,1		9,7	99,2		9,9	99,2		10,1	99,2		10,4	99,2	
4	Xã Đắk Hơ	76	17	22,4	123	120	97,56	137			23,1	98,4		22,8	98,4		24,4	98,4		24,1	98,5		24,4	98,5	
5	Xã Kông Bờ La	159		0	196	180	91,84	180			3,1	91,9		6,1	94,5		8,9	95,5		9,4	97,1		9,9	97,1	
6	Xã Kông Long Khong	228	6	2,63	272	264	97,06	270			4,3	96,0		6,4	97,1		6,7	97,9		7,1	98,2		7,4	99,0	
7	Xã Tơ Tung	273	6	2,2	340	331	97,35	337			5,4	96,5		5,7	97,1		6,0	97,4		6,2	98,3		6,9	98,6	
8	Xã Lơ Ku	187	2	1,07	213	208	97,65	210			4,2	97,2		5,0	98,2		6,8	99,1		7,2	99,1		8,6	99,6	
9	Xã Krong	244	21	8,61	404	384	95,05	405			10,5	93,9		10,4	94,0		11,0	94,0		11,2	94,4		13,5	95,3	
10	Xã Đắk Smar	106	4	3,77	112	110	98,21	114			6,4	97,4		8,0	97,5		11,3	97,5		12,8	98,3		13,4	98,4	
11	Xã Sơ Pai	277	16	5,78	358	341	95,25	357			7,1	95,8		7,4	95,9		8,4	98,1		8,6	98,6		9,6	98,9	
12	Xã Sơn Lang	194	19	9,79	295	290	98,31	309			12,4	98,3		12,6	98,7		12,9	98,4		13,3	98,7		13,6	99,0	
13	Xã Đắkrong	250	15	6	251	222	88,45	237			7,1	86,8		7,0	89,5		7,7	92,0		7,9	94,4		9,7	96,4	
14	Xã Kon Phe	74	2	2,7	95	93	97,89	95			19,2	95,9		20,0	96,0		20,2	96,2		20,7	96,4		23,0	97,3	
CỘNG		3.012	298	9,89	4.217	4.083	96,82	4.244	137	3,23	11,8	97,2	3,1	12,7	97,7	3,3	14,0	98,0	3,5	14,3	98,5	3,6	15,1	98,9	4

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN MÀM NON GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số: 376 /KH-UBND ngày 23 / 3 /2022 của UBND huyện Khang)

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, nhân viên hiện có năm 2020

Nhu cầu bổ sung giáo viên các năm giai đoạn 2021-2025

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, nhân viên hiện có năm 2020													Nhu cầu bổ sung giáo viên các năm giai đoạn 2021-2025												
STT	Đơn vị trường	Tổng số CBQL, GV, NV hiện có	Cán bộ quản lý			Giáo viên mầm non					Nhân viên														
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025				
				Công lập	Ngoài công lập		Công lập	GV hợp đồng	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập	Công lập	Ngoài CL	Công lập	Ngoài CL	Công lập	Ngoài CL	Công lập	Ngoài CL					
1	Mầm non bán trú 1-5	28	2	2		20	16	4		6	6		5		3		1		2		2				
2	MG Bông Hồng 1	32	2	2		22	15	7		8	8		6		4		1		2		1				
3	Mẫu giáo Bông Hồng II	28	2	2		19	10	4	5	7	6	1	4	4	5	4	1				1				
4	MG xã Đông	25	2	2		19	16	3		4	4		3		4		1		1		2				
5	MG Nghĩa An	21	2	2		15	13	2		4	4		2		3		1		1		2				
6	Mẫu giáo Đắk Hlor	16	2	2		10	7	3		4	4		3		2		1		1		1				
7	MG Kông Bờ La	16	2	2		11	10	1		3	3		2		3		1		1		1				
8	MG Kông Long Khong	20	1	1		17	13	4		2	2		4		4		1		2		4				
9	Mẫu giáo Tô Tung	28	2	2		21	17	4		5	5		5		5		1		1		1				
10	MG Lơ Ku	19	1	1		14	13	1		4	4		2		4						1				
11	MG Họa Mi	8	1	1		6	6	0		1	1		1		1						1				
12	MG Krong	18	2	2		15	11	4		1	1		9		7		1		1		2				
13	MG Đắk Smar	8	1	1		6	6	0		1	1		2								1				
14	MG Sơ Pai	27	1	1		21	15	6		5	5		7		5		1		2		4				
15	MG Sơn Lang	26	2	2		18	13	5		6	6		7		5		1		2		2				
16	MG Đắktrong	17	2	2		13	9	4		2	2		7		10				4						
17	MG Kon Pnc	4	1	1		2	2	0		1	1		5		1										
CỘNG			341	28	28		249	192	52	5	64	63	1	74	4	66	4	12	0	20	0	26	0		

NHU CẦU ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CBQL - GVMN BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số: 36 /KH-UBND ngày 23 / 3 /2022 của UBND huyện Kbang)

STT	Đơn vị	Trình độ cán bộ quản lý - giáo viên mầm non năm 2020										Nhu cầu đào tạo cán bộ quản lý - giáo viên mầm non từ trung cấp lên cao đẳng-giai đoạn 2021-2025									
		Cán bộ quản lý					Giáo viên mầm non					Chia hai giai đoạn									
		Chia theo trình độ					Chia theo trình độ					2021-2022					2023-2025				
		Tổng số	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học	Tổng số	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Khác	Tổng số	2021	2022	Tổng số	2023	2024	2025			
1	Mầm non bán trú 1-5	2	0	0	2	0	20	3	0	17	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	MG Bông Hồng I	2	0	0	2	0	22	0	6	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Mẫu giáo Bông Hồng II	2	0	0	2	0	19	4	6	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	MG xã Đông	2	0	0	2	0	19	2	2	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	MG Nghĩa An	2	0	0	2	0	15	1	2	12	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Mẫu giáo Đắk Hơ	2	0	0	2	0	10	2	3	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	MG Kông Bờ La	2	0	0	2	0	11	0	1	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	MG Kông Long Khong	1	0	0	1	0	17	1	1	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Mẫu giáo Tơ Tung	2	0	0	2	0	21	8	0	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	MG Lơ Ku	1	0	0	1	0	14	1	0	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	MG Hòa Mi	1	0	0	1	0	6	0	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	MG Krong	2	0	0	2	0	15	6	3	6	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
13	MG Đắk Smar	1	0	0	1	0	6	0	1	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	MG Sơ Pai	1	0	0	1	0	21	1	4	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	MG Sơn Lang	2	0	0	2	0	18	3	1	14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	MG Đắkrong	2	0	0	2	0	13	7	1	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	MG Kon Phe	1	0	0	1	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
CỘNG		28	0	0	28	0	249	39	31	179	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0

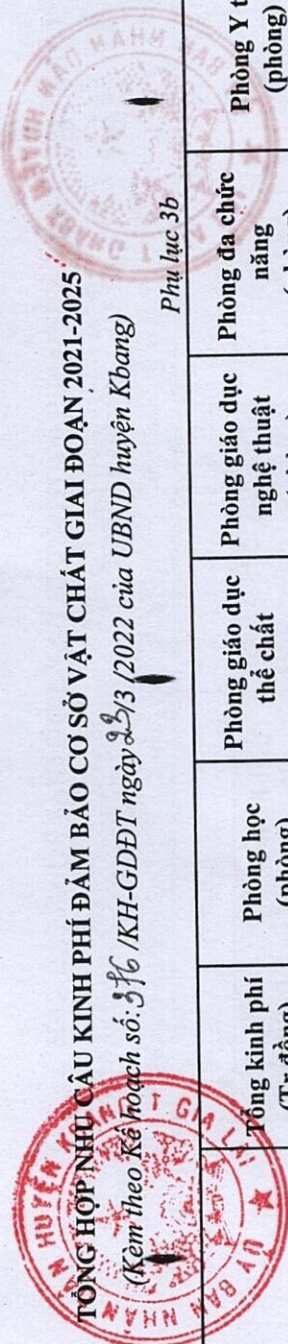
TỔNG HỢP NHU CẦU ĐẢM BẢO CƠ SỞ VẬT CHẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số: 376 /KH-GDDĐT ngày 23/3/2022 của UBND huyện Khang)

Phụ lục 3a

TT	Tên trường	Tổng kinh phí (Tr.đồng)	Phòng học (phòng)	Phòng giáo dục thể chất (phòng)	Phòng giáo dục nghệ thuật (phòng)	Phòng đa chức năng (phòng)	Phòng Y tế (phòng)
1	Mẫu giáo Nghĩa An	-	0	1	0	0	0
2	Mẫu giáo Đắk Hlơ	-	0	1	1	0	0
3	MG Tor Tung	-	0	0	0	0	0
4	Mẫu giáo Kon Pnê	-	0	1	0	0	0
5	Mẫu giáo Sơn Lang	-	0	0	0	0	0
6	MG Bông Hồng II	-	0	0	0	0	0
7	Mẫu giáo Lơ Ku	-	0	0	1	0	0
8	Mẫu giáo Xã Đông	-	0	1	0	0	0
9	MG Đắk Smar	-	2	0	0	0	0
10	MG Kông Long Khong	-	0	0	0	0	0
11	Mẫu giáo Kông Bờ La	-	0	0	0	0	0
12	MG Bông Hồng I	-	0	0	0	0	0
13	Mẫu giáo Krong	-	0	0	1	0	0
14	Mầm non bán trú 1-5	-	0	1	0	0	0
15	MG Họa Mi	-	0	1	0	0	0
16	Mẫu giáo Sơ Pai	-	0	1	1	0	0
17	Mẫu giáo Đắk Rong	-	0	0	0	0	0
Tổng cộng		-	2	7	4	0	0

11



TỔNG HỢP NHŨ CẦU KINH PHÍ ĐẢM BẢO CƠ SỞ VẬT CHẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Kế hoạch số: 376 /KH-GDDT ngày 28/3 /2022 của UBND huyện Kbang)

Phụ lục 3b

TT	Tên trường	Tổng kinh phí (Tr.đồng)	Phòng học (phòng)	Phòng giáo dục thể chất (phòng)	Phòng giáo dục nghệ thuật (phòng)	Phòng đa chức năng (phòng)	Phòng Y tế (phòng)
1	Mẫu giáo Nghĩa An	406,0	0	406	0	0	0
2	Mẫu giáo Đắk Hlơ	812,0	0	406	406	0	0
3	MG Tơ Tung	0,0	0	0	0	0	0
4	Mẫu giáo Kon Pne	406,0	0	406	0	0	0
5	Mẫu giáo Sơn Lang	0,0	0	0	0	0	0
6	MG Bông Hồng II	0,0	0	0	0	0	0
7	Mẫu giáo Lơ Ku	406,0	0	0	406	0	0
8	Mẫu giáo Xã Đông	406,0	0	406	0	0	0
9	MG Đak Smar	1.000,0	1.000	0	0	0	0
10	MG Kông Long Khong	0,0	0	0	0	0	0
11	Mẫu giáo Kông Bờ La	0,0	0	0	0	0	0
12	MG Bông Hồng I	0,0	0	0	0	0	0
13	Mẫu giáo Krong	406,0	0	0	406	0	0
14	Mầm non bán trú 1-5	406,0	0	406	0	0	0
15	MG Họa Mĩ	406,0	0	406	0	0	0
16	Mẫu giáo Sơ Pài	812,0	0	406	406	0	0
17	Mẫu giáo Đắk Rong	0,0	0	0	0	0	0
		5.466,0	1.000	2.842	1.624	0	0

TT	Nguồn ngân sách	Tổng số	Năm đầu tư			
			2021	2022	2023	2024
	Tổng cộng	5.466,0	1.000,0	0,0	2.030,0	1.624,0
1	Ngân sách huyện	1.000,0	1.000,0			
2	Ngân sách đề nghị hỗ trợ và huy động các nguồn khác	4.466,0	0,0		2.030,0	1.624,0
						812,0

TỔNG HỢP NHỮNG CÂU ĐÀM BẢO THIẾT BỊ DẠY HỌC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 36 /KH-GDDT ngày 23 / 3/2022 của UBND huyện Khang)

Phụ lục 3c

TT	Tên trường	Tổng số thiết bị chia ra	Chia ra		Ghi chú
			Thiết bị dạy học tối thiểu (bộ)	Thiết bị đồ chơi ngoài trời (bộ)	
1	Trường Mẫu giáo Nghĩa An	2	2	0	
2	Trường Mẫu giáo Đắk Hlơ	3	2	1	
3	Trường MG Tơ Tung	0	0	0	
4	Trường Mẫu giáo Kon Pơ	3	2	1	
5	Trường Mẫu giáo Sơn Lang	3	2	1	
6	Trường MG Bông Hồng II	5	3	2	
7	Trường Mẫu giáo Lơ Ku	3	2	1	
8	Trường mẫu giáo xã Đông	3	2	1	
9	Trường MG Đắk Smar	3	2	1	
10	Trường MG Kông Long Khong	3	2	1	
11	Trường mẫu giáo Kông Bô La	3	2	1	
12	Trường MG Bông Hồng I	2	1	1	
13	Trường MG Krong	0	0	0	
14	Trường Mầm non bán trú 1-5	3	2	1	
15	Trường MG Họa Mi	0	0	0	
16	Trường Mẫu giáo Sơ Pai	3	2	1	
17	Trường MG Đắkrong	3	2	1	
TỔNG CỘNG		42	28	14	

KẾ HOẠCH KINH PHÍ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC CÁC TRƯỜNG MẦM NON, MẪU GIÁO GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kiểm theo Kế hoạch số: 386 /KH-GDDT ngày 23 / 3 /2022 của UBND huyện Kbang

Phụ lục 3d

TT	Tên trường	Tổng kinh phí (Tr.đồng)	Chia ra	
			Thiết bị dạy học tối thiểu (bộ)	Thiết bị đồ chơi ngoài trời (bộ)
1	Trường Mẫu giáo Nghĩa An	262,2	262,2	0,0
2	Trường Mẫu giáo Đăk Hlơ	586,5	262,2	324,3
3	Trường MG Tơ Tung	0,0	0,0	0,0
4	Trường Mẫu giáo Kon Pnê	586,5	262,2	324,3
5	Trường Mẫu giáo Sơn Lang	586,5	262,2	324,3
6	Trường MG Bông Hồng II	1.041,9	393,3	648,6
7	Trường Mẫu giáo Lơ Ku	586,5	262,2	324,3
8	Trường mẫu giáo xã Đông	586,5	262,2	324,3
9	Trường MG Đak Smar	586,5	262,2	324,3
10	Trường MG Kông Long Khong	586,5	262,2	324,3
11	Trường mẫu giáo Kông Bờ La	586,5	262,2	324,3
12	Trường MG Bông Hồng I	455,4	131,1	324,3
13	Trường MG Krong	0,0	0,0	0,0
14	Trường Mầm non bán trú 1-5	586,5	262,2	324,3
15	Trường MG Họa Mĩ	0,0	0,0	0,0
16	Trường Mẫu giáo Sơ Pai	586,5	262,2	324,3
	TỔNG CỘNG	7.624,5	3.408,6	4.215,9

TT	Nguồn ngân sách	Tổng số	Năm đầu tư			
			2021	2022	2023	2024
	Tổng cộng nhu cầu	7.749,0	1.303,0	1.627,0	1.627,0	1.758,0
1	Ngân sách huyện	1.048,0		262,0	262,0	262
2	Ngân sách đề nghị hỗ trợ và huy động các nguồn khác	6.701,0	1.303,0	1.365,0	1.365,0	1.496,0
						1.172,0

KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số: 376

/KH-UBND

ngày 23 / 3 / 2022 của UBND huyện Khang)

STT		Đơn vị	Năm học 2020-2021										Giai đoạn 2021-2025							
			Tỷ lệ học 2 buổi/ ngày	Tỷ lệ ăn bán trú	Tỷ lệ trẻ được khám sức khỏe định kỳ	Tỷ lệ trẻ được theo dõi biểu đồ cân nặng, chiều cao	Trong đó			Tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày	Tỷ lệ trẻ ăn bán trú	Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân	Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi	Tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày	Tỷ lệ trẻ ăn bán trú	Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân	Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi			
1	Mầm non bán trú 1-5	100	100	100	100	2,1	3,6	2,07	100	100	2,0	3,2	100	100	1,8	3				
2	MG Bông Hồng I	100	93,4	100	100	8,2	8,5		100	93,4	6,1	7,7	100	93,4	4,2	6,5				
3	Mẫu giáo Bông Hồng II	100	100	100	100	5,2	6,8	3,26	100	100	5	5,9	100	100	4,2	5,1				
4	MG xã Đông	100	65	100	100	4,8	5,1		100	65	4,5	4,8	100	65	3,8	4,3				
5	MG Nghĩa An	100	86,36	100	100	5,4	5,4	2,07	100	86,36	5,0	5,1	100	86,36	4,3	4,5				
6	Mẫu giáo Đắk Hlor	100	79,58	100	100	8,1	8,2		100	79,58	7,9	7,9	100	79,58	6,0	7,1				
7	MG Kông Bô La	100	80	100	100	7,3	7,9		100	80	7	7,5	100	80	6,5	7				
8	MG Kông Long Khong	100	49,63	100	100	8,0	8,3		100	49,63	7,5	8,1	100	49,63	6,8	7,4				
9	Mẫu giáo Tô Tung	100	35,61	100	100	8,4	9,0		100	35,61	7,5	8,7	100	40,4	7,1	7,9				
10	MG Lơ Ku	100	37,2	100	100	7,7	7,7		100	37,2	7,2	7,5	100	40	6,2	7,0				
11	MG Hòa Mi	100	100	100	100	8,5	9,0		100	100	7,1	8,7	100	100	6,5	8,1				
12	MG Krong	100	50,63	100	100	6,3	7,4		100	50,63	5,5	7,1	100	50,63	5,1	6,7				
13	MG Dak Smar	100	29,2	100	100		7,0		100	29,2	0,2	6,8	100	35	0,1	6				
14	MG Sơ Pai	100	75	100	100	7,0	7,6	2	100	75	6,5	7,0	100	75	4,8	6,2				
15	MG Sơn Lang	100	68	100	100	7,2	8,2		100	68	6,8	7,8	100	68	5,1	7				
16	MG Đakrong	100	20	100	100	10	10,2		100	20,4	8	9,4	100	25	6,7	9				
17	MG Kon Pnè	100		100	100	9	10,1		100		8,5	9,5	100		6,8	9,1				
CỘNG		100	65,0	100	100	6,3	7,2	0,52	100	65,0	5,68	6,82	100	66,0	4,78	6,22				